TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH -TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Khuyên

2. Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Khương Thị Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1999; Nơi ĐKHK: Thôn T, xã, huyện L, tỉnh V;

Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh V, có mặt.

2/ Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn T, xã, huyện L, tỉnh V, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 23/10/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn H kết hôn ngày 10/10/2018, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Lập Thạch, tỉnh

Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh H. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H thường chơi bời, uống rượu về chửi, đánh đập chị và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên gia đình đã nhiều lần dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng chị có 2 con chung là Phạm Tô H1, sinh ngày 09/10/2016 và Phạm Thế H2, sinh ngày 06/10/2018. Hiện nay, các cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin được nuôi 2 con, không yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung cùng. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty giày da Lợi Tín Lập Thạch, lương 7.000.000đ/tháng và sống cùng bố mẹ đẻ tại xã A, huyện T, tỉnh V.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày: Anh xác nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và thời điểm ly thân như chị T trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có mâu thuẫn với bố mẹ chồng dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng có cãi chửi nhau và có khoảng 2 lần anh đánh chị Thu, chứ không phải là đánh đập chị T nhiều lần. Nay anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Như chị T trình bày là đúng. Hiện các cháu đang ở với chị T. Ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi 2 con, không yêu cầu chị T phải đóng góp nuôi con chung cùng. Anh làm nghề tự do, thu nhập khoảng 9.000.000đ đến 12.000.000đ/tháng và ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn T, xã X, huyện L, tỉnh V.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên thòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị T được ly hôn anh H; giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thế H2, sinh ngày 06/10/2018; giao cho anh H được nuôi dưỡng cháu hạm Tô H1, sinh ngày 09/10/2016, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"*. Bị đơn là anh Phạm Văn H có địa chỉ tại xã X, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn H là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không bảo ban được nhau, xảy ra mâu thuẫn đánh, cãi chửi nhau, dẫn đến vợ chồng không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng và đã có thời gian ly thân, đã được gia đình hai bên và Tòa án hòa giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Chị T xin ly hôn; anh H không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh H đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh H cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng, xin được đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân, vợ chồng anh không có biện pháp hòa giải để hàn gắn về đoàn tụ nên việc anh H xin đoàn tụ chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị T và anh H đều xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu đóng góp nuôi con chung cùng.

Xét yêu cầu của các bên về nuôi con chung thấy rằng: Về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, điều kiện nuôi con chung của các bên là như nhau và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung sau ly hôn cũng như quyền, nghĩa vụ của các bên về con chung cần giao cho mỗi người nuôi 1 cháu. Giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Phạm Thế H2, sinh ngày 06/10/2018; giao cho anh H trực tiếp nuôi cháu Phạm Tô H1, sinh ngày 09/10/2016, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là phù hợp.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị T và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

- Về Hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Thế H2, sinh ngày 06/10/2018;

Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Tô H1, sinh ngày 09/10/2016.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000083 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Lập Thạch;*
- *THA Lập Thạch;*
- *UBND xã X;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ, VP.*

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Nga